

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN VĨNH CỬU**  
**TỈNH ĐỒNG NAI**  
Bản án số: 31/2021/HSST  
Ngày: 25/3/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Tháp

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 02/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, Sinh năm 1988; tại tỉnh Hà Nam; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không, Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn T (đã chết); Họ tên mẹ: Hoàng Thị H1, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là thứ hai; Họ tên vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Trú tại: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).

Trú tại: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Trú tại: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Trú tại: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 05/2020 đến tháng 9/2020, Nguyễn Văn Q đến địa bàn xã T và xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai cho người dân vay tiền với hình thức trả góp theo ngày, lãi suất dao động từ 432% - 687%/năm, cao hơn từ 21,6 đến 34,35 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự hiện hành. Nguyễn Văn Q cho 04 người vay với tổng số tiền là 154.000.000 đồng, Q thu được tiền lãi 45.600.000 đồng, trong đó lãi tính theo quy định của pháp luật (tức là lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự) là 1.458.000 đồng, thu lợi bất chính 44.142.000 đồng, cụ thể những người vay tiền của Q như sau:

**1. Bà Trần Thị H - sinh năm 1960, ngụ ấp B, xã T:**

Khoảng đầu tháng 5/2020, Q đang ngồi uống cà phê tại quán lẻ đường thuộc địa bàn xã T, huyện V thì biết được thông tin bà H cần vay tiền để trả nợ. Q xin số điện thoại gọi cho bà H hỏi có nhu cầu vay tiền góp không thì bà H đồng ý. Sau đó Q đến nhà bà H thỏa thuận cho bà H vay 40.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.400.000 đồng trong thời hạn 22 ngày. Q quy định thu phí vay 10% tương ứng 4.000.000 đồng, thu trước tiền góp 02 ngày là 4.800.000 đồng. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho bà H vay là 31.200.000 đồng, bà H còn trả góp 20 ngày. Tổng số tiền bà H phải trả cho Q là 52.800.000 đồng, Q thu lợi 16.800.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 687%/năm, gấp 34,35 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Sau khi vay được 06 ngày, bà H trả cho Q 14.400.000 đồng, thì không có khả năng trả nợ. Bà H tiếp tục vay Q 10.000.000 đồng, trả trong thời hạn 22 ngày và mỗi ngày trả góp 600.000 đồng. Q khấu trừ phí tiền vay 500.000 đồng và trả góp trước 02 ngày 1.200.000 đồng. Q chuyển cho bà H 8.300.000 đồng và bà H tiếp tục trả góp trong thời hạn 20 ngày với số tiền 12.000.000 đồng. Q thu lợi là 3.700.000 đồng, tương ứng lãi suất cho vay 605%/năm, gấp 30,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Tổng số tiền bà H phải tiếp tục trả góp cho Q 02 lần vay là 45.600.000 đồng (trong đó 14 ngày góp 2.400.000 đồng/ngày của lần vay 40.000.000 đồng; 20 ngày góp 600.000 đồng/ngày của lần vay 10.000.000 đồng). Bà H trả góp cho Q được 8.000.000 đồng thì không còn khả năng trả tiếp. Ngày 05/9/2020, Q đến nhà bà H đòi nợ, bà H cam kết trả cho Q thêm 40.000.000 đồng để hoàn tất việc trả nợ. Hai bên đang tiến hành giao dịch thì bị lực lượng Công an phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tổng số tiền Q cho bà H vay là 50.000.000 đồng, bà H trả cho Q là 72.900.000 đồng. Q thu lãi 22.900.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 50.000.000 đồng trong 22 ngày là 612.000 đồng, Q thu lợi bất chính là 22.288.000 đồng.

**2. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1974, ngụ ấp 1, xã T:**

Khoảng giữa tháng 6/2020, Q thỏa thuận cho bà L vay số tiền 15.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 900.000 đồng trong thời hạn 22 ngày. Q quy định thu phí vay 10% tương ứng 1.500.000 đồng, thu trước tiền góp 02 ngày là 1.800.000 đồng.

Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho bà L vay là 11.700.000 đồng, bà L còn trả góp 20 ngày. Tổng số tiền bà L phải trả cho Q là 19.800.000 đồng, Q thu lợi 6.300.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 687%/năm, gấp 34,35 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Bà L không góp đúng kỳ hạn và số tiền thỏa thuận, khoảng 02 tháng sau, bà L còn nợ Q 4.000.000 đồng thì bà L tắt toán, vay tiếp 10.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 25 ngày và mỗi ngày trả góp 500.000 đồng. Q khấu trừ phí tiền vay 500.000 đồng, trả góp trước 02 ngày 1.000.000 đồng và trừ hết số tiền bà L còn nợ Q trong lần vay trước là 4.000.000 đồng. Q chuyển cho bà L 4.500.000 đồng và bà L phải tiếp tục trả góp trong thời hạn 23 ngày với số tiền là 11.500.000 đồng. Bà L góp không đủ và nợ lại Q 3.000.000 đồng thì sự việc bị ngăn chặn, lần vay này Quân chưa thu lợi.

Trong lần vay đầu được tắt toán khi đáo hạn, Q có lãi 6.300.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 15.000.000 đồng trong 22 ngày là 184.000 đồng, Q thu lợi bất chính 6.116.000 đồng.

**3. Ông Trần Văn H2, sinh năm 1966, ngụ ấp B, xã T:**

Khoảng tháng 7/2020, Q thỏa thuận cho ông H2 vay số tiền 30.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng trong thời hạn 25 ngày. Q quy định thu phí vay 05% tương ứng 1.500.000 đồng, thu trước tiền góp 02 ngày là 3.000.000 đồng. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho ông H2 vay là 28.500.000 đồng, ông H2 còn trả góp 23 ngày. Tổng số tiền ông H2 phải trả cho Q là 37.500.000 đồng, Q thu lợi 9.000.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 432%/năm, gấp 45 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Sau khi vay được 10 ngày, ông H2 đáo hạn tiếp tục vay Q 40.000.000 đồng, trả góp trong thời hạn 25 ngày và mỗi ngày trả góp 2.000.000 đồng. Q khấu trừ phí tiền vay 2.000.000 đồng, trả góp trước 02 ngày 4.000.000 đồng và trừ hết số tiền ông H2 còn nợ Q trong lần vay trước là 19.500.000 đồng. Q chuyển cho ông H2 14.500.000 đồng và ông H2 phải tiếp tục trả góp trong thời hạn 23 ngày với số tiền là 46.000.000 đồng. Ông H2 góp được 13 ngày với số tiền là 26.000.000 đồng thì hành vi của Q bị phát hiện ngăn chặn, Q chưa thu lợi. Ông H2 còn nợ Q 8.000.000 đồng tiền gốc.

Trong lần vay đầu được tắt toán khi đáo hạn, Q có lãi 9.000.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 30.000.000 đồng trong 25 ngày là 417.000 đồng, Q thu lợi bất chính 8.583.000 đồng

**4. Bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1972, ngụ ấp 2, xã T:**

Khoảng tháng 7/2020, Q thỏa thuận cho bà Y vay số tiền 20.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.200.000 đồng trong thời hạn 22 ngày. Q quy định thu phí vay 05% tương ứng 1.000.000 đồng, thu trước tiền góp 02 ngày là 2.400.000 đồng. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho bà Y vay là 16.600.000 đồng, bà Y còn trả góp 20 ngày. Tổng số tiền bà Y phải trả cho Q là 26.400.000 đồng, Q thu lợi 7.400.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 605%/năm, gấp 30,25 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Số tiền Q cho bà Y vay là 20.000.000 đồng, bà Y trả cho Q là 27.400.000 đồng. Q thu lãi 7.400.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 20.000.000 đồng trong 22 ngày là 245.000 đồng, Q thu lợi bất chính là 7.155.000 đồng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố tại tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Q đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

\* Tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- Thu tại mặt bàn đá trong nhà bà Trần Thị H 86.000.000 đồng; 01 tờ giấy Vibook có chữ và số ghi 01 mặt; 01 cuốn vở hiệu Vibook (được xử lý trong vụ án khác).

- Thu của Nguyễn Văn Q: số tiền 6.800.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus; 01 xe mô tô biển số 60F3 - 336.41 do anh Châu Ngọc P, ngụ số 8, khu 4, ấp 1, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 5/2020, anh P bán lại xe mô tô trên cho Nguyễn Văn Q. Đây là phương tiện đi lại hàng ngày của Q.

\* Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus; 01 xe mô tô biển số 60F3 - 336.41; số tiền 6.800.000 đồng.

- Đối với số tiền 165.000.000 đồng là số tiền gốc cho vay và lãi suất đã thu được xác định là công cụ phương tiện phạm tội và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20% là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên buộc bị cáo Q nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc 11.000.000 đồng do ông Trần Văn H2 và bà Đặng Thị L vay chưa trả cho Q đây là phương tiện phạm tội nên buộc ông H2, bà L nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

\* Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự tuyên buộc Q trả lại số tiền 44.142.000 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% cho người vay.

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKSVC ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q để xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 30.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Q trả lại cho bà Y số tiền 7.155.000 đồng, tiền thu lợi bất chính.

- Buộc bị cáo Q trả lại cho bà H số tiền 22.288.000 đồng, tiền thu lợi bất chính.
- Buộc bị cáo Q trả lại cho bà L số tiền 6.116.000 đồng, tiền thu lợi bất chính.
- Buộc bị cáo Q trả lại cho ông H2 số tiền 8.583.000 đồng, tiền thu lợi bất chính.
- Về xử lý vật chứng:
  - + Chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus của bị cáo Q không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại bị cáo.
  - + Chiếc xe mô tô biển số 60F3 - 336.41 của bị cáo Q là phương tiện đi lại hàng ngày, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại bị cáo.
  - + Đối với số tiền 6.800.000 đồng là tiền chi tiêu cá nhân hàng ngày của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả lại bị cáo.
- Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, thể hiện:

Từ tháng 05/2020 đến tháng 9/2020, Nguyễn Văn Q đã cho Trần Thị H, Trần Văn H2, Đặng Thị L, Nguyễn Thị Minh Y vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 165.000.000 đồng, lãi suất cho vay dao động từ 432% - 687%/năm (cao hơn từ 21,6 đến 34,35 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lãi số tiền 45.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 44.142.000 đồng.

[3]. Do vậy, hành vi của bị cáo Q đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo lợi dụng những người có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện để vay vốn nhà nước nên đã cho họ vay với lãi suất cao gấp nhiều lần nhằm thu lợi cho bản thân. Mặc dù quy định của nhà nước lãi suất không quá 20%/năm nhưng bị cáo cho vay với mức lãi suất từ 432% - 687%/năm. Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo nhằm mục đích lợi nhuận, nên áp dụng hình phạt tiền cũng đủ nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Xét về nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng: Không có.

[6]. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng:

7.1). Đối với số tiền mà bị cáo Q cho bà H vay 50.000.000 đồng, cho bà Y vay 20.000.000 đồng, ông H2 vay 70.000.000 đồng và bà L vay 25.000.000 đồng tổng cộng là 165.000.000 đồng tiền gốc, nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

7.2). Đối với tiền lãi theo quy định của nhà nước là 20%/năm là (lãi của bà Y là 245.000 đồng, lãi của bà H là 612.000 đồng, lãi của ông H2 là 417.000 đồng và lãi của bà L là 184.000 đồng = 1.456.000 đồng đây là tiền lãi phát sinh từ tội phạm mà có, nên tịch thu sung công).

7.3). Đối với số tiền gốc bà L chưa trả cho bị cáo Q là 3.000.000 đồng, nên buộc bà L phải nộp số tiền này để sung công.

7.4). Đối với số tiền 26.000.000 đồng thu trên mặt bàn đá tại nhà bà H, đây là số tiền thu của bị cáo Q do bà H trả, nên tịch thu sung công và được trừ vào phần tiền gốc cho vay, tại biên lai thu tiền số 0001977 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

7.5). Đối với chiếc điện thoại di động hiệu iphone 8 plus không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo Q.

7.6). Đối với chiếc xe mô tô biển số 60F3-336.41 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo Q.

7.7). Đối với số tiền thu trong người của Nguyễn Văn Q là 6.800.000 đồng, không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tại biên lai thu tiền số 0001978 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

7.8). Tổng số tiền mà bị cáo phải nộp sung công quỹ nhà nước là 166.456.000 đồng (165.000.000 đồng tiền gốc + 1.456.000 đồng tiền lãi) được trừ đi số tiền 43.800.000 đồng (gồm thu giữ trong người bị cáo 6.800.000 đồng và số tiền đã thu giữ trên mặt bàn là 26.000.000 đồng, ông H2 nộp 8.000.000 đồng và bà L nộp 3.000.000 đồng) còn lại bị cáo Q phải nộp tiếp số tiền là 122.656.000 đồng.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

8.1). Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của bà Y là 7.155.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại bà Y.

8.2). Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của bà H cả 2 lần là 22.288.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại bà H.

8.3). Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của bà L là 6.116.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại bà L.

8.4). Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của ông H2 là 8.583.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại ông H2.

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1]. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; của Bộ luật Hình sự. Điều 262; 331; 333; 336; 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 50.000.000 đồng.
- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp số tiền là 166.456.000 đồng (165.000.000 đồng tiền gốc + 1.456.000 đồng tiền lãi) được trừ đi số tiền 43.800.000 đồng (gồm thu giữ trong người bị cáo 6.800.000 đồng và số tiền đã thu giữ trên mặt bàn là 26.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001977 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, ông H2 nộp 8.000.000 đồng và bà L nộp 3.000.000 đồng) còn lại bị cáo Quân phải nộp tiếp số tiền là 122.656.000 đồng để sung công.

- Buộc bà Đặng Thị L phải nộp số tiền 3.000.000 đồng để sung công.

- Buộc ông Trần Văn H2 phải nộp số tiền 8.000.000 đồng để sung công.

2]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 26.000.000 của bà Hương trả cho Q, để đảm bảo thi hành án tại biên lai thu tiền số 0001977 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 6.800.000 đồng, tại biên lai thu tiền số 0001978 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu để đảm bảo thi hành án.

- Hoàn trả bị cáo Q 01 điện thoại iphone 8 plus. Hoàn trả bị cáo Q 01 xe mô tô biển số 60F3 – 336.41. Bị cáo Q được quyền liên hệ Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu để nhận lại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3]. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho bà H số tiền là 22.288.000 đồng.

- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho bà L số tiền là 6.116.000 đồng.

- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho bà Y số tiền là 7.155.000 đồng.
- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho ông H2 số tiền là 8.583.000 đồng.

4]. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5]. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bà Y, bà L và ông H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận**

- Bị cáo, DS;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lưu Trung Chiến**